

ÁP LỰC BÁN VẪN LỚN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Đối với NĐT có tỷ trọng tiền mặt cao có thể xem xét giải ngân từng phần tại các ngưỡng hỗ trợ mạnh, ưu tiên các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có KQKD triển vọng tích cực trong 6 tháng cuối năm.
BÁN	Đưa tỷ trọng danh mục về mức cân bằng, ưu tiên hạ tỷ trọng Margin trong các nhịp phục hồi.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

VSC	<p>NĂM GIỮ</p> <p>↑ 10,45%</p> <p>VND 24.300</p>
-----	---

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (28/6), dù số liệu thống kê mới nhất cho thấy lạm phát giảm tốc và tâm lý người tiêu dùng tốt hơn dự báo.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tuần qua tiếp tục điều chỉnh. Áp lực bán gia tăng mạnh trong tuần cuối quý II, khiến chỉ số VN-Index có một tuần giảm điểm tương đối sâu. Thanh khoản thu hẹp so với tuần trước và xuất hiện một số phiên dòng tiền co hẹp. Dù áp lực vẫn đè nặng lên tâm lý, song thị trường chứng khoán tuần mới sẽ có thêm cơ hội hồi phục khi nhờ sự hỗ trợ của thông tin vĩ mô tích cực. Về mặt kỹ thuật, mục tiêu ngắn hạn của chỉ số VN-Index vẫn là mốc 1.250 điểm. Thị trường tuần tới cần lấy lại mốc này và khẳng định sự chắc chắn ngưỡng hỗ trợ này.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	39.118,86	-0,12	3,79
S&P 500	5.460,48	-0,41	14,48
Nasdaq	17.732,60	-0,71	18,13
VIX	12,44	1,63	-0,08
DAX	18.235,45	0,14	8,86
FTSE 100	8.164,12	-0,19	5,57
CAC40	7.479,40	-0,68	-0,85
Hang Seng	17.718,61	0,01	3,94

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	37,99	SELL
MACD (12,26)	-2,62	SELL
ADX (14)	18,71	SELL
SMA5	1.255,27	SELL
SMA20	1.277,52	SELL
SMA50	1.255,75	SELL
SMA100	1.250,01	SELL
SMA200	1.191,06	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý 2/2024 và 6 tháng đầu năm cho thấy nền kinh tế tiếp tục xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước. Theo đó, GDP quý 2/2024 tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 6,93% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 7,99% của quý 2/2022 trong giai đoạn 2020-2024. Với mức tăng này, GDP 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024.
- Chỉ số PMI của Việt Nam trong tháng 6 đã tăng mạnh lên 54,7 điểm, so với mức 50,3 điểm của tháng 5 cho thấy ngành sản xuất công nghiệp phục hồi rất mạnh. Sự tăng trưởng của sản xuất trong tháng cuối cùng của Quý II nhờ lượng đơn đặt hàng mới tăng với một trong những tốc độ nhanh nhất từng được ghi nhận.
- Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp sáu tháng đầu năm 2024 ước tính tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,47%; quý II tăng 8,55%). Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2024 giảm 4,3% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Đà tăng giá cước vận tải container có thể kéo dài đến cuối năm 2024. Xung đột khu vực Biển Đỏ đi kèm vào mùa cao điểm vận chuyển hàng hoá đang đẩy cước tàu vận tải container ngày một tăng cao. Tính đến ngày 27/6, cước tàu đi từ châu Á sang các tuyến quan trọng như cảng Rotterdam (Hà Lan), New York, Los Angeles đều tăng gấp hơn 2 lần so với hồi đầu năm.
- SHB:** NHNN vừa có quyết định về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Theo đó, vốn điều lệ của SHB được ghi nhận ở mức 36.629 tỷ đồng. Với vốn điều lệ mới, SHB tiếp tục giữ vị trí trong Top 4 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất hệ thống.
- TCB:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam vừa công bố kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, ngân hàng đã phát hành 3,52 tỷ cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1. Sau đợt phát hành, tổng số cổ phiếu đang lưu hành của TCB là 7,05 tỷ cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ là 70.450 tỷ đồng, cao thứ hai toàn hệ thống, chỉ sau VPBank.
- TCH:** TCH đặt kế hoạch kinh doanh 2024 (niên độ 01/04/2024-31/03/2025) với doanh thu 2.500 tỷ đồng và lãi sau thuế 800 tỷ đồng, lần lượt giảm hơn 34% và gần 36% so với thực hiện 2023. Công ty sẽ duy trì song song các hoạt động kinh doanh thương mại phân phối xe ô tô và quản lý đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.326,43	-0,01	12,77
Dầu WTI	81,84	0,37	14,22
Dầu Brent	85,28	0,33	10,70
Than	133,20	0,45	-9,02
Đồng	9.599,00	0,88	12,15
Quặng sắt	106,65	-0,33	-22,67
Thép	521,50	0,38	-7,64

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	105,552	-0,30	4,16
USD/JPY	160,92	-0,02	-12,35
USD/CNY	7,2675	0,00	-2,30
EUR/USD	1,0749	0,34	-2,63
GBP/USD	1,266	0,12	-0,56

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	31/07/2024	0
ECB	4,50%	18/07/2024	0
BOE	5,25%	20/06/2024	0
BOJ	0,10%	14/06/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	873,57	130.500	-1,73
VPB	788,92	18.650	-1,84
DGC	454,85	122.500	-1,05
HPG	632,97	28.300	-1,91
MWG	385,36	62.400	-0,79

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	476.190,58	85.200	0,00
BID	246.543,85	43.250	-1,93
FPT	190.588,47	130.500	-1,73
HPG	181.013,88	28.300	-1,91
GAS	175.930,27	76.600	0,13

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

VSC

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng mua tiềm năng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

22.000

24.300

10,45%

21.000-21.700

<20.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- KQKD quý I/2024 với doanh thu đạt 568,4 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. LNTT 89,9 tỷ đồng, LNST 69,9 tỷ đồng, lần lượt tăng 63% và 67% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2024, Viconship lên kế hoạch tái cấu trúc lại quy mô tài sản, thực hiện thoái vốn tại một số ngành nghề không trọng yếu, tập trung đẩy mạnh hoạt động M&A trong các lĩnh vực thế mạnh như khai thác cảng biển.
- Các trở ngại thương mại toàn cầu gây ra tình trạng thiếu container rỗng, đẩy giá cước vận tải biển tăng mạnh trong những tuần qua và dự kiến còn tăng tiếp.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VSC đang trong nhịp điều chỉnh chung cùng với thị trường. Hiện tại, cổ phiếu đang phản ứng tốt tại mốc hỗ trợ MA50, MA100 ngày. Đối với NĐT đã mua cổ phiếu VSC trước đó có thể tiếp tục nắm giữ khi cổ phiếu chưa mất kênh tăng giá hiện tại.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q1 2024
DTT (tỷ đ)	2.007	2.181	586
LNTT (tỷ đ)	477	265	90
LNST (tỷ đ)	393	199	70
Nợ/VCSH (%)	28	48	50
ROE (%)	11,77	3,97	5,04
ROA (%)	8,23	2,59	2,86
EPS (VNĐ)	1.507	571	707,52
P/E (lần)	12,4	34,4	31,09
P/B (lần)	1,32	1,34	1,50

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	50,28	BUY	
MACD (12,26)	0,13	BUY	
ADX (14)	19,32	BUY	
SMA5	21.580	BUY	
SMA20	22.300	BUY	
SMA50	21.450	BUY	
SMA100	21.830	BUY	
SMA200	20.530	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	VSC	Nắm giữ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7			1,38%
2	PHR	Nắm giữ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58			-0,66%
3	MSN	Nắm giữ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5			-1,97%
4	MWG	Nắm giữ	59,5-62	20/6/2024	62	68,7	57,5			0,65%
5	MBB	Nắm giữ	22,5-22,8	24/6/2024	22,8	25,6	21,7			-2,63%
6	HSG	Nắm giữ	23,8-24,5	26/6/2024	24,5	27,5	23,5			-2,45%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
2	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	53	11,58%
3	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
4	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
5	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
6	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
7	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
8	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
9	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%
10	MWG	Chốt lời	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2	3/5/2024	55,7	17,26%
11	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
12	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
13	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
14	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%
15	TPB	Cắt lỗ	17,6-18	20/6/2024	18	20,1	17,2	28/6/2024	17,2	-4,44%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chi số VNI : 1150-1165.

Phân tích ngày 30/10/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-4.12%
Chốt lời 1 (90%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2 (90%)	21-22	-18-37%

MICP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Cổ (Đỉnh ĐCA) 41-42	-4.5%
Chốt lời 1 (90%)	Đỉnh 59	-12%-14%
Chốt lời 2 (90%)	Nằm giữ	

MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.4	-4.4%
Chốt lời 1 (90%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2 (90%)	25.5-26	-12%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	👓 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

- Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:
- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
 - ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
 - MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
 - MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room